

# NHỮNG CON CHỮ DỊU DÀNG CỦA HONORÉ DE BALZAC

## LA GRANDE BRÉTÈCHE

(Truyện ngắn Pháp)

Tác giả: **Honoré de Balzac**

(TTBG chuyển Việt ngữ).

(TTBG GIỚI THIỆU).

**HONORÉ DE BALZAC** (1799-1850), một khuôn mặt văn chương vĩ đại của nhân loại, là người có tài năng, nghị lực, hoài bão, sức tưởng tượng và những ước mơ rộng lớn.

Thoạt tiên làm việc trong một văn phòng luật sư, nhưng khi 20 tuổi, cảm nhận rằng một xã hội mới và một thời đại tài chính mới trong thời tiền Cách Mạng đang được thực hiện, Balzac bỏ việc để khởi sự lặn xả vào cuộc sống văn chương của Paris, một cuộc sống theo truyền thống chỉ cần có giấy, viết và một căn gác xép!

Trong 9 năm sống rất nghèo khó, ông viết những bản văn tâm thường đầy tính cường điệu, ký nhiều bút hiệu khác nhau. Đó là loại văn bình dân với mục đích kiếm tiền cho nhanh, giúp ông chinh phục cái xã hội mới này, cũng giống như Napoléon đã chinh phục Âu Châu. Nhưng sự “thành công” chỉ là những món nợ chồng chất và không bao giờ trả cho dứt được. May thay, nhà văn tự bút ra khỏi phái Lãng Mạn và hướng về phái Tả Chân trước khi rơi vào cảnh đói khát.

Năm 1834, Balzac dự tính gom tất cả mọi tác phẩm đã viết vào chung trong một đề tựa, *La Comédie Humaine*.

Nhà văn làm việc trên tác phẩm này hầu như không nghỉ suốt hai mươi năm kế tiếp.

Trong hai mươi năm với rất ít cơ hội để sống cho cuộc đời, tình yêu, gia đình và bạn hữu, Balzac đã viết 16 giờ mỗi ngày, lắm lúc ba ngày liên tục không hề rời khỏi phòng lấy, ăn rất ít, và uống café đen cốc này qua cốc khác. Thói quen thường nhật là đi ăn tối bất cứ món gì vào lúc 5 giờ chiều, ngủ cho đến nửa đêm, rồi làm việc tới sáng, kéo dài sang ngày hôm sau.

Phải kể rằng những cái phức tạp đa diện của hơn hai ngàn nhân vật từng xuất hiện trong các tiểu thuyết và truyện ngắn trước kia, bấy giờ được gom lại trong 47 tập của *La Comédie Humaine*, đã vẽ ra cho thấy một bức tranh toàn cảnh hoàn hảo của một xã hội Pháp dưới thời đại sống của nhà văn.

Ông hiểu rõ điều kiện của từng làng quê hay tỉnh lỵ; biết tất cả mọi chi tiết, thấm cảm bản tính tự nhiên của từng con buôn hay các nghề nghiệp mà mỗi nhân vật tùy thuộc; thấu suốt những đổi thay chính trị đang tiến hành trong nước Pháp. Có thể nói, ông “sống” trên những thói quen, áo quần, công việc, nơi chốn của mọi nhân vật, ngay cả “sống” trong giường ngủ của họ!

Ông là một nhà phân tích tuyệt vời về những đam mê và sự chi ly của tâm hồn con người, giống như Hyppolyte Adolphe Taine, nhà sử học & triết gia Pháp (1828-1893) đã nói: “Sau Shakespeare, Balzac là cuốn tạp chí vĩ đại về mọi dữ kiện liên quan đến Con Người”.

Tiểu thuyết và truyện ngắn của Balzac mang tính chất mãnh liệt một cách bi thảm; đôi khi pha phần kinh dị.

Nhà văn không bao giờ hài lòng với những bản thảo đã hoàn tất và cứ sửa đi sửa lại mãi, thay đổi thứ tự từng câu chuyện, cũng như, không ngần ngại tiêu phí tiền bạc trên những tấm hóa đơn về in ấn hay đổi thay bản thảo.

La Comédie Humaine là bộ tác phẩm 47 tập đầu chưa hoàn tất như ước muốn của nhà văn thì những bức chân dung được trình bày trong đó phải được kể là sáng giá và toàn diện nhất trong thế giới văn chương nhân loại.

“Tôi mang tất cả xã hội trong đầu tôi,” ông đã từng huênh hoang như vậy.

Ông qua đời vì làm việc quá độ vào năm 1850 ở cái tuổi 50.

Truyện ngắn dưới đây, *La Grande Brétèche* (1842) rút từ đề mục “chân dung phụ nữ”, phần Những Cảnh Sắc Của Đời Sống Riêng Tư trong bộ tác phẩm vĩ đại.

Được kể ra giữa đám bạn bởi bác sĩ Bianchon (rất được Balzac ưa thích, và cũng là nhà nghiên cứu khoa học; những lời kể của ông đã khiến người nghe phải tin là thật), *La Grande Brétèche* nói về một người tình bị khám phá bởi một anh chồng ghen và bị nhốt kín cho đến chết ngay trong chỗ trốn của anh ta.

Một bối cảnh thời Trung Cổ được vẽ lại trước mắt độc giả.

Balzac không mấy thích thú với loại chuyện như thế, nhưng trong cái tiềm lực âm ỉ mà thật là sống động của hoàn cảnh, cộng với cách diễn tả quá thực tế, nhà văn đã khiến độc giả cảm nhận rằng:

“Câu chuyện thời điểm đó PHẢI xảy ra chỉ với cách đó”.

Nhà văn đưa độc giả dần dần từng bước đến gần với sự lặng im huyền diệu rất bi thảm mà *La Grande Brétèche* đã cuu mang trong nhiều năm dài và sửa soạn cho chúng ta sự chấp nhận hoàn cảnh tàn bạo, độc ác được sáng chế và duy trì bởi anh chồng cứng rắn độc đoán.

Balzac đã từng bị say mê bởi lý thuyết mới về hiện tượng học (magnetisme) của Bác sĩ người Đức Franz Anton Mesmer (1734-1815), nói về quyền lực mà một con người mạnh mẽ có thể thực hành trên một kẻ yếu hơn, nhiều cảm tính hơn. Sự kinh dị và cái nguyên do dẫn đến không khí bi thảm trong *La Grande Brétèche* đã được tạo thành ngay chính từ lý thuyết vừa nói.

\*

\*\*

Chừng 100 bước khởi đi từ Vendôme, trên bờ sông Loire, có một tòa lâu đài cũ màu nâu, vòm mái rất cao, hoàn toàn biệt lập đến nỗi chẳng một xưởng thuộc da hôi hám hay một quán rượu bản thủ (điều rất quen thuộc ở những vùng ngoại ô của các tỉnh nhỏ), được tìm thấy trong vùng lân cận của nó.

Đàng trước dẫn xuống bờ sông là một ngôi vườn; nơi đây, những bụi cây tiếp giáp với vỉa hè ngày xưa được cắt tỉa gọn ghẽ, bây giờ mọc lan tràn hoang dã. Vài cây liễu rủ, rễ bám từ dưới lòng sông, nhanh chóng biến thành một cái hàng rào rậm rạp và gần như bao bọc lấy tòa lâu đài. Những cây ăn trái không được chăm sóc trong mười năm, đã ngừng ra quả; lớp rễ mứt bám đầy mặt đất. Những giàn cây leo trông giống như những xác chết. Các con đường mòn, trước kia được trải sỏi, bây giờ chẳng chịt các bụi rau sam; tóm lại, nó không còn dấu vết nào nữa của một con đường.

Nếu nhìn từ đồi cao, bạn sẽ thấy phô bày sừng sững cái vẻ đồ nát hoang tàn của tòa lâu đài trước kia là tài sản của những công tước xứ Vendôme. Và nếu đứng nhìn qua dãy hàng rào, bạn sẽ có ấn tượng rằng, trong một thời quá khứ nào đó, cái chôn nhỏ bé này từng tạo nên hạnh phúc cho những con người quý phái yêu hoa hồng, hoa tuy-líp, hay tất cả những gì thuộc về thú điền viên, và đặc biệt là ưa những trái quả tươi.

Bạn có thể hình dung một chỗ ngồi mát dưới giàn giây leo; hoặc hơn nữa, một cái bàn không hoàn toàn bị thời gian hủy diệt giữa sự đổ nát.

Từ cảnh tượng của ngôi vườn bỏ hoang, bạn sẽ đoán biết những thú vui nhẹ nhàng của một cuộc sống an bình đã từng xảy ra nơi đây; giống như có thể đoán biết được lai lịch một thương buôn giàu có khi đọc cái mộ bia của người ấy.

Để hoàn tất cho những ấn tượng buồn thảm và dịu dàng chụp bắt tâm hồn bạn, trên một bức tường, có khắc một cái đồng hồ mặt trời với lời đề từ “ULTIMAM COGITA” rất đáng kính trọng.

Cái mái thì rõ ràng bị đổ nát; lớp cửa chớp bên ngoài luôn luôn đóng kín; các hành lang được bao phủ với những tổ chim én; mọi cánh cửa khép chặt ngày đêm. Lớp cỏ hoang mọc cao làm thành một hàng dài màu xanh dọc theo những kẽ nứt trên những bước đi; những bộ phận bằng sắt đều đã han rỉ. Mặt trăng, mặt trời, mùa đông, mùa hạ và bão tuyết đã bào nhẵn lớp gỗ, làm cong oằn các tấm ván cửa, gặm mòn đi lớp sơn bên ngoài.

Sự yên lặng âm đạm chỉ bị gián đoạn bởi những con chim, các con chồn, các con chuột cống và chuột nhắt tự do chạy nhảy, tranh giành, cắn xé.

Khắp mọi nơi như có một bàn tay vô hình viết chữ “Bí Mật” lên đó.

Nếu sự tò mò xui khiến bạn đến nhìn vào tòa lâu đài từ trên đường cái, bạn sẽ thấy một cái cổng lớn hình vòng cung; trên đó, những thặng nhãi ranh hàng xóm đã tạo thành rất nhiều lỗ hồng.

Về sau tôi nghe kể rằng, cái cổng này không được mở ra từ đã mười năm. Suốt qua những cái lỗ bất thường ấy, bạn có thể quan sát và thấy được sự hoàn hảo cân xứng giữa phía trước và phía sau tòa nhà, giữa cái sân và khu vườn.

Dù vậy, trên cả hai nơi cũng vẫn chỉ là một sự hỗn loạn bao trùm mờ mịt. Các cụm cỏ trôi lên giữa những lớp đá lát trên lối mòn. Những bức tường có nhiều kẽ nứt, cái mái đen ngòm bám đầy rêu ẩm. Những bậc đá bị tách rời từng mảnh. Sợi giầy chuông đã mục. Cái vòi phun nước bị bẻ.

*“Ngọn lửa trời nào đã rơi xuống nơi đây? Bản án nào đã gieo rắc chôn này? Có phải là sự nhạo báng miệt thị của Thượng Đế? Hay có phải nước Pháp đã bị phản bội?”*

Đó sẽ là những câu hỏi bạn tự đặt với mình.

Các loài bò sát vờn lượn chung quanh cũng không đưa ra được cho bạn câu đáp.

Tòa nhà trống rỗng quanh hiu là một bí ẩn khủng khiếp với những điều mà không bất cứ ai có chìa khóa để tìm hiểu nổi. Trước kia, nó là một lãnh địa nhỏ mang tên La Grande Brétèche.

Trong những ngày lưu lại Vendôme, nơi mà gia đình Desplein đã giao cho tôi chăm sóc một bệnh nhân giàu có thì một trong những ưa thích lớn nhất của tôi là đứng nhìn vào tòa nhà dù rằng nó chẳng có gì khác hơn một sự đồ nát.

Thông thường, mọi sự tàn phá đều có mang những dấu ấn xác thật nào đó; nhưng tòa nhà đặc biệt này, dấu rằng với sự tàn phá từ từ bởi một bàn tay thù hận, nó vẫn đứng vững và cho thấy có chứa đựng một bí ẩn không khám phá nổi.

Tóm lại, nó đã tự chứng tỏ được một sự bất thường.

\*

\* \*

Một buổi chiều, tôi đến cạnh cái cổng đóng kín trong khuôn viên được rào giậu kỹ. Bất chấp những vết cào xước, tôi bước vào ngôi vườn bỏ hoang, vùng đất từ lâu không thuộc công cộng hay tư nhân; và trải qua nhiều giờ ở đó, trầm ngâm trước không gian âm đạm.

Tôi không muốn đặt ra với bất cứ ai trong vùng dù một câu hỏi nhỏ để có thể tìm hiểu vì đâu đã xảy ra những cái lạ lùng trên cảnh sắc đáng tò mò ấy. Ở đó, tôi đã hư cấu được vài câu chuyện thú vị và tự đắm chìm trong những cơn buồn sầu quuyền rũ. Nếu biết lý do về sự phế bỏ, hẳn có lẽ là tầm thường, tôi sẽ bị mất đi cái thi vị tiểu thuyết đã làm mê mẩn cho tôi.

Dưới mắt tôi, nơi chôn quanh hiu này giống như hầu hết những hình ảnh thay đổi của cuộc đời, bị vùi dập trong thăm sâu bởi sự bất hạnh của nó. Có lúc nó khiến tôi hình dung đến một cái chủng viện không có thầy tu; lúc khác lại là một nghĩa trang không có người chết nói tiếng nói của họ trên những mộ chí; có khi lại giống như ngôi nhà của một người cùi, kế tiếp lại như ngôi nhà của Atridae trong thần thoại Hy Lạp.

Nhưng trên hết, nó tiêu biểu cho cuộc sống tĩnh lý với cái vẻ buồn rầu mà sự sống từ từ bị đẩy ra xa theo vòng quay chậm chạp của cái đồng hồ mặt trời có khắc những chữ “ULTIMAM COGITA”.

Tôi thường khóc thầm khi đứng ở đó. Ở đó, tôi chưa bao giờ cảm thấy như muốn vui cười. Cũng từng có lần tôi bị chụp bắt bởi một sự kinh hãi không thể chế ngự khi nghe trên đầu tiếng đập cánh của một con chim rừng đang vội vã

bay vút lên cao. Nền đất nơi đây rất ẩm; bạn phải coi chừng những con thằn lằn, những con rắn, con ếch đang di chuyển trong sự hoang dã của thiên nhiên phong phú. Nhưng hơn hết, bạn đừng sợ cái lạnh, bởi vì trong chỉ vài phút thôi, bạn sẽ cảm thấy một sự giá băng phủ ập đôi vai, giống như cái cổ của chàng *Don Juan* bị chụp bắt bởi bàn tay giá băng của Thần Chết.

\*

\*\*

Một đêm kia, ngọn gió bỗng dừng chuyển thành dữ dội. Tiếng gào của nó giống như tiếng rên rỉ phát ra từ ngôi nhà lớn đã làm tôi điếng người sợ hãi đứng ngay vào lúc đang kết thúc một bi kịch buồn sầu cho sự hiện thân kỳ lạ của nỗi thống khổ.

Tôi bèn trở về quán trọ, đắm chìm trong muôn ngàn ý nghĩ ảm đạm.

Khi vừa dùng xong bữa súp, bà chủ quán bước vào phòng tôi với vẻ bí mật, và nói:

“Monsieur Regnault xin gặp, thưa ngài.”

“Monsieur Regnault là ai?”

“Ừa, ngài không biết Monsieur Regnault sao? Thật lạ!”, bà ta vừa nói vừa quay bước.

Đột nhiên tôi nhìn thấy một người cao, gầy, mặc toàn đen, nón cầm trên tay, trán hớt ra sau, cái đầu nhọn, khuôn mặt hình quả táo giống như một ly nước màu đục, bước vào phòng tôi trong cái thế y hệt một con cừu đục sẵn sàng húc đầu vào đôi thủ của nó. Nhìn ông, người ta có thể nghĩ rằng ông là một trợ giáo.

Người lạ mặc cái áo đuôi tôm đã cũ, xơ cả chỉ, nhưng trên ve áo lại có đính một viên kim cương và nơi tai có đeo đôi bông bằng vàng. Tôi hỏi:

“Tôi được hân hạnh hầu chuyện với ai đây?”

Ông ta ngồi xuống trên chiếc ghế kê trước lò sưởi, đặt nón lên bàn, xoắn hai tay vào nhau, đáp:

“A! Trời lạnh quá! Thưa ông, tên tôi là Regnault.”

Tôi cúi đầu, nói thầm với mình:

“*Il Bondo cani! Tôi không biết gì cả!*”

Ông ta tiếp:

“Tôi là một công chứng viên đang hành nghề tại Vendôme.”

Tôi bật kêu:

“Hân hạnh biết ông. Nhưng vì một lý do riêng, trong lúc này tôi không muốn làm di chúc gì cả.”

Ông giơ tay lên như thể buộc tôi phải im lặng.

“Xin hãy gượng! Xin ông cho phép, xin ông cho phép! Tôi đã được báo rằng thỉnh thoảng ông có bách bộ vào ngôi vườn La Grande Brétèche.”

“Vâng, đúng thế.”

“Xin hãy gượng!”

Vừa nói, ông ta vừa làm lại hành động cũ.

“Ông đã vi phạm vào sự vượt quá đó.

“Thưa ông, trong vai trò người thừa hành di chúc của bà Bá tước de Merret đã quá vắng, tôi nhân danh bà để xin ông hãy ngưng các cuộc thăm viếng.

“Xin gượng đã! Tôi không muốn kết tội ông bởi vì lẽ tự nhiên là ông không được báo cho biết hoàn cảnh nào đã buộc tôi phải để cho tòa nhà đẹp nhất ở Vendôme rơi vào cảnh bị tàn phá như vậy.

“Nhưng, thưa ông, ông hẳn là người học thức thì phải biết rằng luật lệ ngăn cấm và đưa ra hình phạt rất nặng cho bất cứ sự vượt quá nào trên một vùng đất thuộc tư nhân.

“Một hàng rào cũng giống như một bức tường.

“Nhưng với tình trạng hiện tại của tòa nhà lại có thể là một miễn thứ cho sự tò mò của ông.

“Tôi rất vui lòng để ông chu du quanh tòa nhà và vùng đất gần đó; nhưng bởi vì tôi là kẻ thừa hành di chúc của bà Bá tước, nên phải xin ông thôi đừng bước vào ngôi vườn lần nào nữa.

“Chính tôi đây kể từ khi đọc bản chúc thư, phải thành thật thừa với ông rằng, tôi không dám đặt chân lên lãnh địa La Grande Bretèche của Madame de Merret.

“Chúng tôi chỉ có quyền thẩm tra con số các cánh cửa lớn và cửa sổ để định mức tiền thuế phải trả hằng năm từ cái quỹ để lại cho mục đích này.

“A! Thưa ông, chúc thư của bà đã từng là nguyên nhân cho rất nhiều bàn cãi ở Vendôme, tôi có thể nói như thế với ông!”

Vị công chứng ngừng lại để hỉ mũi.

Tôi tôn trọng tính liêng thoảng của ông ta, hoàn toàn hiểu rằng di chúc của Madame de Merret đã là biến cố quan trọng nhất trong đời ông, tạo nên tiếng tăm, danh vọng và sự tiến thân của ông.

Tôi đành phải vẫy tay giã từ những giấc mơ và các tiểu thuyết của mình; nên không hối tiếc đã được cho biết sự thật từ một nguồn tin chính xác. Tôi nói:

“Thưa ông, Có thể nào tôi được vô phép để hỏi ông về những lý do tạo nên tình trạng kỳ lạ ấy?”

Theo những lời tôi, nơi khuôn mặt viên công chứng tức thì thấy lộ ra tất cả nét thỏa mãn của một người thường thích cười lên những con ngựa gỗ ở vòng đu quay của trẻ nhỏ. Ông nấn lại cổ áo với vẻ ngờ nghệch, lôi ra cái hộp đựng thuốc lá, mở nó và đưa mời tôi; rồi, nhân sự từ chối của tôi, ông tự lấy cho mình một dùm lớn.

Rõ là con người hạnh phúc!

Một kẻ không có sở thích thì không nhận thức được những lợi ích nào có thể giúp hắn thoát khỏi cuộc sống.

*“Sở thích là một hạnh phúc, nối liền giữa đam mê và sự độc tưởng.”*

Lúc bấy giờ tôi hiểu được trọn vẹn cái xúc cảm nồng nàn của Laurence Sterne, nhà văn Anh (1713-1768) qua lời nói đó. Trong đầu tôi cũng hiện ra hình ảnh vui thú mà ông chú Toby của tôi, được cưỡi bởi đứa cháu tên Trim, đang ngồi giạng hai chân trên con ngựa gỗ của nó.

Ông Regnault nói:

“Thưa ông, tôi là thư ký trưởng trong văn phòng của Monsieur Roquin ở Paris. Một cơ sở hàng đầu mà có lẽ ông cũng đã nghe? Ồ không à? Nhưng nó được biết đến nhiều nhờ một sự phá sản thật đáng tiếc. Không đủ tiền để tậu một cơ sở ở Paris với cái giá cao vút trong năm 1816 nên tôi đến đây và mua cơ sở của vị tiền nhiệm của mình. Tôi có những hộ hàng ở vùng Vendôme này, trong số đó, một người rất giàu đã cho phép tôi cưới con gái bà làm vợ.”

Ngừng một lúc ngắn, ông ta tiếp:

“Thưa ông, ba tháng, sau khi tôi nhận được giấy phép hành nghề bởi Phòng Quản Lý Con Niêm, một buổi tối đã vào giường (khi ấy tôi chưa lập gia đình), tôi được mời đến gặp bà Bá tước de Merret tại tòa lâu đài của bà. Người tớ gái, một cô nhỏ bây giờ đang là người hầu ở lữ quán này, đứng ở cửa với cỗ xe ngựa riêng của bà Bá tước.

“Ồ! Xin ông gượng tí đã! Tôi quên không nói cho ông hay rằng vị Bá tước đã đi Paris và chết ở đó, hai tháng trước khi tôi đến đây. Ông ta lâm vào cảnh nghèo túng ở giai đoạn chót cuộc đời mình, tự đắm chìm trong đủ loại chơi bời phóng đãng. Ông hiểu chứ, thưa ông?”

“Vào đúng ngày sau khi ông Bá tước đã ra đi, bà Bá tước cho người đến phá hủy hết mọi thứ trong La Grand Brétèche. Có người còn kể rằng bà đã ra lệnh đốt các tấm thảm, tủ bời bàn ghế; nói chung là những vật dụng khác nhau được dùng trong tòa lâu đài và bây giờ thuộc quyền thừa hưởng của bà.

“(Ồ! Lạy Chúa! Tôi đang nói gì thế? Xin bỏ lỗi cho tôi, tôi tưởng như mình đang đọc một bản hợp đồng).

“Tóm lại là tất cả đều bị đốt trong cánh đồng ở Merret.”

“Ông có đã đến đó chưa, thưa ông? Không à?” ông ta hỏi, rồi tự trả lời câu đáp.

Ông nói tiếp sau khi gật gật đầu:

“Đó là một nơi chôn rất đẹp!

“Chùng ba tháng trước,” ông nói tiếp trong cử chỉ như vừa bị đập vào đầu một cú mạnh, “Bá tước và bà vợ đã sống một cuộc đời kỳ dị; họ không tiếp bất kỳ người khách nào nữa tại La Grande Brétèche. Bà Bá tước ngủ ở tầng trệt và ông chồng ở lầu trên.

“Khi bị bỏ lại trong nỗi cô đơn, bà không hề thấy có mặt tại nhà thờ nữa.

“Về sau, ngay chính trong tòa lâu đài, bà cũng từ chối không gặp các bạn hữu muốn đến thăm viếng.

“Bà đã thay đổi rất nhiều kể từ khi cho hủy hoại tất cả đồ đạc ở La Grande Brétèche ngoài cánh đồng Merret.

“Đó là một phụ nữ tốt bụng –(tôi nói ‘tốt bụng’ bởi vì bà đã tặng cho tôi viên kim cương này, tôi chỉ được gặp bà mỗi một lần); khi đó, người đàn bà tốt bụng rất bệnh; có lẽ bà đã bỏ rơi mọi hy vọng chữa trị bởi vì bà chết mà không

cho gọi một bác sĩ; và mọi phụ nữ quanh vùng đều nghĩ rằng trí óc bà Bá tước quả thật kỳ dị. Do đó sự tò mò của tôi lớn dần khi nghe rằng Madame de Merret cần đến tôi.

Ông ta tiếp:

“Không phải một mình tôi tỏ ra thích thú trong việc này đâu. Ngay chính đêm ấy, dù rằng tôi đến trễ, cả tỉnh đều biết là tôi đang đến tòa lâu đài. Người hầu đưa ra những lời đáp rất mơ hồ theo những câu hỏi tôi đặt với cô trên đường đi; tuy nhiên, cô bảo tôi rằng bà chủ đã nhận phép xúc dầu thánh lần cuối, cũng như đã xưng tội với vị linh mục ở Merret trong cùng ngày hôm đó, và có lẽ bà sẽ không qua khỏi đêm nay.

“Lúc tôi đến tòa lâu đài thì đã vào khoảng 11 giờ khuya. Tôi được đưa thẳng tới cái cầu thang rộng.

“Sau khi băng qua những căn phòng trần cao, tôi tắm lạnh lẽo và ẩm thấp kinh khủng, tôi đến phòng ngủ nơi bà Bá tước đang nằm. Từ những lời đồn về người phụ nữ này (tôi sẽ không bao giờ kết thúc câu chuyện được nếu bây giờ kể cho ông nghe tất cả những dư luận) tôi tưởng tượng bà phải là người rất hay làm đom. Ông sẽ ngạc nhiên nếu biết rằng tôi khó mà nhận ra được bà trên cái giường rộng. Sự thật là căn phòng to lớn này chỉ được soi sáng bởi một cái đèn cổ với cái trụ đứng đã lỗi thời, bụi bám dày đến nỗi chỉ nhìn thấy nó, người ta đủ hắt hơi.

“Nhưng thật ông chưa từng đến đó chứ?

“Thưa ông, cái giường là một trong bốn cái giường cổ nhất thế giới với cái màn cao có in hình những cánh hoa. Một bàn ngủ nhỏ đặt ngay đầu giường, trên đó, tôi nhận thấy có một tượng Chúa Jésus, giống như cái tôi đã mua cho vợ tôi, cùng với cây đèn. Có một ghế dựa lớn cho người hầu thân tín của bà Bá tước, và hai ghế khác. Không có lò sưởi. Tất cả vật dụng chỉ là thế. Chẳng tới mười hàng nếu làm bảng kiểm kê.”

Ông ta nói thêm, giơ cánh tay lên với một cử chỉ đầy kịch tính:

“Ồ! Thưa ông, giá như ông nhìn thấy căn phòng to lớn này với những tấm thảm màu nâu, như tôi đã thấy, ông sẽ phải có ý nghĩ rằng đã từng được đưa vào trong bối cảnh của một cuốn tiểu thuyết thời Trung cổ. Trời lạnh như ướp đá, hơn nữa, giống như trong cõi chết.

“Sau hồi lâu ngắm kỹ cái giường, cuối cùng nhờ làn ánh sáng mờ mờ của ngọn đèn chiếu trên mặt gối, tôi nhìn thấy Madame de Merret. Khuôn mặt và hai bàn tay đang chấp lại của bà trông vàng như sáp. Bà đội một cái nón có viền đăng ten, để lộ ra mái tóc đẹp, trắng như những sợi chỉ bằng *laine*. Bà đang ngồi và trông như thật khó khăn mới thẳng người được. Đôi mắt màu đen thật to, lim dim trong cơn sốt và gần như hết cả thần sắc, di động một cách khó khăn dưới những cái xương của cặp chân mày”.

Ông ta vừa nói vừa sờ lông mày của mình.

“Trán bà lạnh và nhòe nhọt. Hai bàn tay mỏng trông giống như những mẩu xương với làn da căng ra trên chúng; những lần gân xanh hiện rõ. Trước kia, bà hẳn phải là một người rất đẹp; nhưng ngay lúc bấy giờ, một mối cảm xúc không diễn tả nổi đã chụp bắt tôi khi tôi nhìn toàn thể hình dáng bà. Người sửa soạn tang lễ cho bà về sau đã nhận xét rằng chưa từng thấy có ai đạt đến độ suy nhược gầy mòn như thế mà vẫn còn sống.



“Tóm lại, đó là một hình ảnh rất kinh khủng. Bà đã bị tàn phá hoàn toàn vì con bệnh, đến nỗi chẳng khác nào một con ma. Đôi môi bà tím ngắt, xem ra không còn di động gì khi nói với tôi.

“Trên nghề nghiệp, dù rằng đã được huấn luyện cho quen với những điều như vậy, những cơ hội thường xuyên đem tôi đến cạnh giường chết của người hấp hối để nhận lời di chúc trần trời cuối của họ, tôi phải nhận rằng những gia đình đau khổ và những cảnh tượng chết chóc tôi từng nhìn thấy thì không đáng kể gì nếu so sánh với người đàn bà câm lặng, cô đơn trong tòa lâu đài rộng lớn kia.

“Tôi không nghe tiếng động nào, không thấy tấm trải giường nhấp nhô lên xuống với hơi thở của người bệnh, và tôi đứng ngây, nhìn chăm chăm vào bà trong một cảm giác ngờ nghệch như thể đang bị hóa đá khi đó.

“Cuối cùng, đôi mắt lớn di động, bà cố gắng nhấc bàn tay phải lên, nhưng nó lại rơi ngay xuống trên giường ngủ, và đôi môi bà thấy thều thào như một hơi thở, bởi vì giọng nói bà không còn là giọng nói con người nữa:

*‘Tôi đang rất nôn nóng mong ông đến’.*

“Đó là một sự cố gắng ghê gớm.

“Tôi bèn nói:

*‘Thưa bà’.*

“Bà ra hiệu bảo tôi im.

“Ngay lúc ấy người hầu nhòm dậy ghé sát tai tôi:

*‘Đừng nói gì cả, bà Bá tước không thể chịu đựng nổi một tiếng động dù nhỏ nhất. Những gì ông nói có thể làm phiền lòng bà.’*

“Tôi bèn ngồi xuống trên một cái ghế.

“Và phút sau, Madame de Merret cố gắng thu hết sức tàn để di động cánh tay phải, rồi với một sự khó khăn vô kể, bà đặt nó vào dưới chiếc gối mình; xong nằm im một lúc, rồi cũng với sự cố gắng cuối cùng, bà kéo tay ra, lòi theo một tờ giấy có niêm phong. Vài giọt mồ hôi lăn xuống trên trán bà.

*‘Tôi giao lời di chúc cho ông’,* bà nói. *‘Ô! Lạy Chúa! Ô!’*

“Chỉ có thế. Bà giữ chặt cây thánh giá đang để trên giường, đưa nhanh lên môi, và thở hắt ra. Sự diễn tả trong đôi mắt vô thần của bà vẫn làm tôi rùng mình mỗi khi nhớ lại. Chắc chắn là bà đã từng phải cực kỳ đau khổ? Ngay giây phút đó, có một thoáng vui thú lóe ra trong ánh nhìn cuối cùng, và nó lưu lại rõ ràng sau khi bà đã chết.

“Tôi đem bản di chúc về; khi mở ra, mới hay rằng Madame de Merret đã chỉ định cho tôi là người thừa hành di chúc. Bà cúng hết tài sản cho bệnh viện Vendôme, trừ ra vài di sản khác. Cũng có những chỉ thị liên hệ qui định về La Grande Brétèche:

- Tôi phải để yên nơi chôn này trong năm mươi năm với tình trạng y như hiện tại bà đang nằm chết,
- Không bắt cứ ai được bước vào những căn phòng,
- Cấm chỉ mọi sửa sang nào trên nó.

-Bà cũng xếp đặt một khoản tiền để trả công cho những người thừa hành nếu như cần làm thế để bảo đảm rằng lời di chúc được thi hành tuyệt đối trên mọi chi tiết.

-Khi mãn hạn của điều khoản này, nếu những ước nguyện của bà được thực hiện đúng đắn, tòa nhà sẽ trở thành sở hữu của người thừa tự của tôi, bởi vì, như ông biết, một công chứng viên không thể nhận một vật để lại bằng chúc thư của ai hết. Ngoài ra, những người thừa kế hợp pháp sẽ được sở hữu La Grande Brétèche với điều kiện là phải hoàn tất những điều khoản sắp xếp trong một bản đồ xung vào tờ di chúc; bản này sẽ không được mở ra cho đến hết kỳ hạn năm mươi năm. Di chúc không được tranh chấp, cho nên...”

Viên công chứng gầy và cao lêu nghêu bỏ ngang câu nói, nhìn thẳng tôi với cái vẻ chiến thắng.

Tôi bổ sung thêm niềm vui hoàn toàn cho ông ta bằng những lời tán tụng vu vơ. Tôi nói:

“Thưa ông, câu chuyện ông kể làm tôi thích thú đến nỗi tôi tưởng tượng có thể nhìn thấy bà Bá tước đang nằm chết, mặt trắng hơn cả tờ giấy; đôi mắt làm tôi sợ hãi; chắc chắn là tôi sẽ nằm mơ thấy bà đêm nay. Nhưng có lẽ ông phải nghĩ ra vài ý tưởng đối với các điều khoản của bản chúc thư đặc biệt đó chứ?”

Ông ta đáp với sự dè dặt kỳ cục:

“Thưa ông, tôi không bao giờ tự cho phép mình phê bình những việc làm của con người đã ban cho tôi cái vinh dự bằng cách trao cho tôi một viên kim cương.”

Chẳng mấy chốc, tôi đã lái được viên công chứng thận trọng khôn ngoan sang những vấn đề dài dòng về ý kiến chính trị của cả hai phái mà những phán xét của họ đã trở thành luật lệ ở Vendôme. Nhưng những ý kiến này thì quá trái nghịch và cường điệu đến nỗi tôi gần như buồn ngủ dù cho với sự lợi ích mà tôi cảm nhận được trong cái lịch sử xác thực đáng tin này.

Những câu nói đều đều của vị công chứng (mà chắc chắn ông ta đã tập quen để tự lắng nghe mình và khiến chính mình phải lắng nghe những khách hàng) thì quá nhiều so với sự tò mò của tôi.

May thay, ông đứng lên từ ghế.

“Xin bảo cho ông biết,” ông nói, trong khi đi xuống những bậc thang, “có rất nhiều người muốn sống thêm 45 năm nữa, nhưng hãy gượng đã...”

Rồi với cái vẻ hiểu biết, ông đặt ngón trỏ bàn tay phải lên mũi với một cái nhìn ranh mãnh:

“Vâng, xin hãy lưu ý những lời tôi, muốn sống lâu như thế, bây giờ ông phải không được đạt quá 60 tuổi.”

Tôi đóng cánh cửa sau khi ra khỏi trạng thái lãnh đạm gây nên bởi câu nói cuối của viên công chứng, điều mà ông ta nghĩ rằng rất buồn cười; rồi ngồi xuống trong ghế bành, đặt hai chân gần bên cái vĩ lò sưởi.

\*

\*\*

Tôi đang chìm đắm trong một cuốn tiểu thuyết xây dựng theo kiểu Radcliffe (nữ văn sĩ người Anh, 1764-1823, chuyên viết tiểu thuyết kinh dị), dựa trên những sự kiện được cung cấp từ ông Regnault, thì cánh cửa được mở nhẹ nhàng. Bà chủ nhà trọ bước vào phòng.

Đó là một phụ nữ tròn trĩnh nở nang, luôn luôn tươi cười, nhưng chẳng có gì đặc biệt: một loại phụ nữ Fleming như trong tranh vẽ của Teniers le Jeune, họa sĩ người Hòa Lan (1610-1690). Bà nói:

“Thưa ông Horace, chắc hẳn ông Regnault đã cho ông biết về La Grande Brétèche?”

“Vâng đúng thế, thưa bà Lepas.”

“Ông ta kể những gì?”

Tôi tóm tắt câu chuyện u sầu, buồn thảm về Madame de Merret.

Trên từng mỗi câu tôi nói, bà Lepas nhướn cao đầu, nhìn tôi với cái nhìn chăm chú của một bà chủ quán trong một thứ hạnh phúc thỏa hiệp giữa bản năng của một anh lính sen đầm, sự tinh ranh của một viên mật thám, và tính láu cá của một con buôn.

Tôi nói thêm sau khi xong chuyện:

“Bà Lepas thân mến, xem ra bà biết nhiều hơn tôi? Nếu không, tại sao bà đến gặp tôi?”

“Ô, tôi rất thành thật, như cái tên tôi là Lepas vậy.”

Tôi nói:

“Nào, đừng thề thốt như thế; đôi mắt bà rõ ràng đang phô bày một sự bí mật quan trọng. Bà có biết Monsieur de Merret không? Đó là người như thế nào?”

Bà đáp:

“Quả thật, Monsieur de Merret là một người khả kính, đẹp trai, dáng rất cao đến chừng như khó lòng nhìn thấy đỉnh đầu của ông ta! Một nhà quý tộc thuộc dòng dõi Picardy, rất cẩn thận, kỹ lưỡng. Ông ta mua tất cả mọi thứ bằng tiền, do đó không bao giờ gặp khó khăn với bất kỳ ai. Tánh ông ta rất nóng nảy. Mọi phụ nữ trong làng đều ưa thích ông ấy.”

Tôi hỏi:

“Ưa thích, vì tánh ông ta nóng nảy?”

Bà Lepas đáp.

“Vâng, có lẽ. Ông nghĩ xem, phải có cái gì đó như mọi người đồn đãi chứ, bởi vì ông ta đã cưới được Madame de Merret, người mà chẳng ai không công nhận rằng đáng yêu nhất và giàu có nhất trong số các phụ nữ ở Vendôme. Madame có chừng 20 ngàn quan lợi tức. Toàn tỉnh đều được mời dự đám cưới. Cô dâu rất đẹp, một viên ngọc quý thật sự. Ô, lúc bấy giờ họ kết thành một cặp vô cùng xứng hợp.”

“Có phải đó là một cuộc hôn nhân hạnh phúc?”

“Nào, đúng hay không, chẳng ai có thể đoán biết cho chắc, bởi vì ông cũng hiểu rằng giới bình dân như chúng tôi thì không phải cùng thứ hạng với họ! Madame de Merret là một người đàn bà tử tế, tính tình rất dịu dàng. Có lẽ thỉnh thoảng bà cũng phải kiên nhẫn chịu đựng những con thịnh nộ của chồng. Nhưng dù ông Bá tước xa cách cỡ nào thì chúng tôi cũng đều ưa thích ông. Trên hết, đó chỉ là sự đối xử tự nhiên của ông ta! Ông biết, những người có giòng máu quý tộc đều thường như thế cả!”

“Phải chăng đã có tai ương gì xảy ra cho họ để đưa đến một cuộc chia tay quá dữ dội?”

“Thưa ông, tôi chưa từng nói rằng họ gặp bất kỳ tai ương nào. Tôi không biết gì về điều ấy.”

“Được rồi. Tôi tin chắc là bà biết tất cả mọi chuyện.”

“Vâng, thưa ông Horace, tôi sẽ kể hết với ông. Khi thấy Monsieur Regnault đến tìm ông là tôi đã biết ông ta sẽ nói về chuyện Madame de Merret, liền hệ tới tòa lâu đài La Grande Brétèche. Điều ấy làm tôi nghĩ phải đến gặp ông để xin một lời khuyên. Ông trông như một người có những nhận xét tốt; vì thế sẽ không bao giờ phản bội một phụ nữ nghèo như tôi, kẻ không từng làm điều sai quấy với bất kỳ ai nhưng bây giờ lương tâm lại đang bị cắn rứt. Cho tới nay, tôi chưa hề dám nói lời nào với các người ở đây về những chuyện ấy; tất cả bọn họ đều là kẻ nhiều chuyện, giọng lưỡi sắc như dao. Tóm lại, thưa ông, tôi chưa bao giờ có một người khách lịch sự nào lưu trú trong quán tôi lâu dài như ông, và là một người để tôi có thể kể câu chuyện về 15 ngàn quan.”

Tôi cắt ngang những lời đang tuôn chảy:

“Bà Lepas ạ, nếu như có gì đó trong câu chuyện của bà làm tổn thương tôi, tôi sẽ không đời nào muốn nghe nó đâu...”

Bà ngắt lời tôi:

“Không! Đừng sợ. Rồi ông sẽ thấy thôi.”

Sự háo hức nơi bà khiến tôi tin chắc rằng không phải tôi là người duy nhất được giao phó cái bí mật của người đàn bà tốt bụng kia, nhưng tôi vẫn lắng nghe bà nói.

Bà kể:

“Thưa ông, khi Hoàng đế gửi những tù binh chiến tranh tới đây thì trong số đó, có một chàng Tây Ban Nha trẻ tuổi được giao trú ngụ tại quán tôi. Dù rằng chàng ta được tha có điều kiện, nhưng hằng ngày đều phải đến trình diện tại văn phòng ông Khu trưởng.

“Đó là một gã Tây Ban Nha thuộc dòng quý tộc. Đúng y như thế! Tên gã kết thúc bằng chữ –os hay dia, giống như Bagos de Férédia. Tôi có viết tên gã vào cuốn sổ danh bạ của tôi, và ông có thể xem nếu như ông muốn.

“Ồ! Gã rất đẹp trai, người ta có thể nói rằng tất cả đàn ông chung quanh đều là xấu so với gã. Gã cao chừng một mét 60 nhưng thân hình chắc nịch, vạm vỡ; hai bàn tay nhỏ như tay con gái. (Giả ông được nhìn cái cách gã ngắm

nghĩa chúng nhi!) Gã có nhiều bàn chải để chỉ dùng cho hai bàn tay, y hệt phụ nữ có những vật dụng cho riêng cái phòng vệ sinh của họ vậy! Mái tóc gã màu đen, dài thướt, đôi mắt sáng, làn da màu đồng bóng loáng. Tôi thích tất cả những thứ ấy nơi gã. Gã ăn vận bánh bao hơn bất kỳ ai tôi gặp, dù rằng quán tôi cũng đã từng tiếp một vị công nương, Đại tướng Bertrand, Công tước và bà vợ xír Abrantes, Monsieur Decazes, hay đức vua Tây Ban Nha.

“Gã ăn rất ít nhưng gã có cái vẻ lịch sự nhã nhặn, dễ thương đến nỗi ông không thể chê trách gì gã được.

“Tôi rất thương mến gã, tôi có thể nói thế, dầu cho gã chẳng hề nói quá hơn bốn chữ một ngày, cũng như tôi không thể có được một cuộc đàm thoại nào với gã.

“Nếu ông nói gì với gã, gã sẽ không trả lời: đó là một chứng tật, một thói quen kỳ cục mà tất cả những người như thế đều có, như tôi đã nói.

“Gã đọc kinh giống như một tu sĩ, đi nhà thờ đều đặn và dự tất cả các buổi thánh lễ. Nhưng chỗ ngồi gã ở đâu trong nhà thờ? Về sau chúng tôi để ý thì thấy: chỉ cách vài mét với chỗ ngồi của Madame de Merret. Ngay từ lần đầu đến nhà thờ gã đã chọn vị trí đó nên chẳng ai nghĩ rằng có gì đặc biệt trong việc chọn lựa. Ngoài ra, gã trai trẻ ấy chẳng hề ngước mắt lên khỏi cuốn Thánh Kinh.

“Thưa ông, vào mỗi buổi chiều, gã thường bách bộ chung quanh ngọn đồi, giữa những điều tàn của tòa lâu đài.

“Đó là sự giải trí duy nhất của chàng trai đáng thương ấy. Nơi đó, gã được dịp nhớ lại quê hương gã. Người ta bảo xír Tây Ban Nha không có gì ngoại trừ những núi đồi!

“Một chiều, vài ngày sau khi được gửi đến đây, gã về quán trọ rất trễ. Tôi thật lo ngại khi mà cho đến nửa đêm, vẫn không thấy mặt gã. Nhưng bởi đã quen với những thói tật kỳ dị của gã nên chúng tôi thôi ngạc nhiên và xếp đặt một phòng trong căn nhà trên đường Casernes và giao cho gã cái chìa khóa riêng.

“Thế rồi, có một đứa trẻ chăn ngựa kể chúng tôi nghe rằng một buổi tối, đưa ngựa đến tắm ở giòng sông, thằng bé đã thấy gã Tây Ban Nha quý tộc bơi lội như một con cá trong giòng nước.

“Khi gã trở lại, tôi lưu ý với gã rằng hãy coi chừng những khóm cỏ dại có thể làm rối chân bơi của gã.

“Cuối cùng, một ngày, hay đúng hơn là một buổi sáng, chúng tôi thấy căn phòng gã trống trơn; rồi chiều tối vẫn không thấy gã trở lại. Sau đó, trong hộp bàn viết, tôi tìm ra một tấm giấy nhỏ và một cái hộp niêm kín, trong có đựng 50 đồng tiền vàng mà chúng tôi gọi là tiền Bồ Đào Nha, giá trị chừng 5 ngàn quan; và những viên kim cương chừng 10 ngàn quan. Tấm giấy ghi rằng, ‘nếu như gã không trở lại thì với số tiền và số kim cương ấy, gã xin chúng tôi làm cho gã một buổi lễ cầu hôn để cảm ơn Thượng Đế về sự trốn thoát của gã.’

“Thời gian đó chồng tôi còn sống. Ông ta đi tìm gã. Và đây là phần kỳ cục nhất của câu chuyện! –ông ta nhìn thấy bộ áo quần của gã đặt bên dưới một tảng đá lớn cạnh bờ sông, không xa tòa lâu đài bao nhiêu, đối diện với La Grande Brétèche, nên ông mang về nhà.

“Chồng tôi đến đó thật sớm nên không ai nhìn thấy. Ông đốt hết áo quần gã, và tuyên bố rằng Bá tước Férédia đã trốn thoát, như trong thư gã dặn chúng tôi làm thế. Vị trưởng khu sai lính đi tìm; nhưng tất cả đều vô ích. Chồng tôi

thì cho rằng gã Tây Ban Nha đã bị chết đuối. Còn tôi không nghĩ vậy; trái lại, tin chắc gã có dự một vai trò quan trọng trong cái bí mật của Madame de Merret.

“Rosalie bảo tôi rằng cây thánh giá bằng gỗ mun có bị bạc thì quá thân thiết với bà chủ cô, đến nỗi nó được chôn theo với bà. Từ những ngày đầu đến đây, Monsieur Férédia cũng có một cây thánh giá bằng gỗ mun bị bạc mà về sau tôi không còn thấy nữa.

“Bây giờ, thưa ông Horace, có phải là đúng chẳng nếu như tôi không cần để lương tâm rối loạn về 15 ngàn quan của gã Tây Ban Nha ấy? Số bạc đó có thực là của tôi không?”

Tôi đáp :

“Chắc thế. Nhưng bà có đã cố gắng hỏi Rosalie chưa?”

“Ồ có, thưa ông. Tuy nhiên, cô nhỏ đó giống như một bức tường lạnh lẽo. Cô ta biết vài điều nhưng thật không thể bắt cô hé răng lấy một lời.”

\*

\*\*

Sau khi chuyện trò một đôi với tôi, bà chủ quán bỏ đi, để lại cho tôi một mớ ý tưởng mông lung ám đạm với những hiểu kỳ lãng mạn và một nỗi khiếp hãi rất cao; thứ cảm xúc giống hệt “một đêm bước vào một giáo đường tối tăm, ánh sáng yếu ớt xuất hiện ở quãng xa dưới những mái vòm, bất ngờ nhìn thấy một hình dáng mờ mờ lướt nhẹ, tiếng áo choàng hay áo thầy tu kêu xột xoạt làm toàn thân rùng mình sớn gáy.”

La Grande Brétèche với bãi cỏ rậm, những cánh cửa sổ cao kín mít mà các bộ phận bằng sắt đã han rỉ, những cánh cửa lớn đóng im ỉm và những căn phòng bỏ trống... bỗng dung xuất hiện một cách thật huyền hoặc dưới mắt tôi. Tôi cố gắng nhìn thấu vào ngôi nhà bí mật để kiếm cho ra cái chìa khóa của câu chuyện buồn rầu ấy, tìm xem bị kịch nào là nguyên nhân cho cái chết của ba con người.

Dưới mắt tôi, Rosalie trở thành nhân vật đáng thích thú nhất ở Vendôme. Khi nhìn cô, tôi tưởng tượng có thể khám phá ra những hiểu biết thâm kín, cho dù trên khuôn mặt tròn trĩnh của cô chỉ thấy phô bày một sức sống mạnh mẽ. Có cái gì trong cô đã nói lên sự hối hận hay hy vọng; thái độ cô gợi ra một nỗi bí mật, giống như sự thành kính của một người cầu nguyện quá độ, hay của một cô gái đã giết chết đứa hài nhi và không ngừng nghe tiếng khóc cuối cùng của con. Tuy nhiên, cách cư xử của cô thì giản dị vụng về và trong cái cười ngờ nghếch không thấy có gì là tội lỗi. Bạn có thể xét đoán rằng cô vô tội ngay chính từ lúc thoát nhìn vào chiếc khăn có kẻ ô vuông xanh đỏ choàng qua bộ ngực nung núc và được gấp nếp bên trong một cái váy chật với những ngôi sao màu trắng tím.

Tôi nghĩ, “Không, tôi sẽ không rời Vendôme nếu chưa tìm ra đoạn kết của câu chuyện bí mật ở La Grande Brétèche. Để đạt điều đó, ngay cả cần trở thành người tình của Rosalie, tôi cũng sẽ làm.”

Một chiều tôi nói với cô:

“Rosalie?”

“Dạ, thưa ông”

“Cô không lập gia đình sao?”

Cô liếc nhìn tôi. Và đáp trong một tiếng cười:

“Ồ, tôi sẽ có hàng tá đàn ông để chọn lựa khi nào tôi nghĩ rằng mình không còn được hạnh phúc!”

Cô mau chóng lấy lại bình tĩnh sau một thoáng cảm xúc, bởi vì tất cả phụ nữ, từ người quý tộc đến một cô hầu quán, ai cũng đều có sự nhanh trí bẩm sinh.

“Cô còn trẻ và đủ quyến rũ để không thiếu gì kẻ theo đuổi! Nhưng này Rosalie, nói cho tôi biết, tại sao cô trở thành một người hầu tại cái quán này sau khi cô rời tòa lâu đài của Madame de Merret? Có phải bởi cô đã không dự phòng cho mình chút ít tiền của?”

“Ồ, thưa ông, quả thế. Nhưng đây là chỗ tốt nhất của tôi ở Vendôme mà.”

Câu đáp này của cô là những gì mà một vị quan tòa và các luật sư có thể gọi là một sự không hứa hẹn.

Đối với tôi, Rosalie dường như đã chiếm cứ trong câu chuyện lãng mạn này một vị thế chính yếu giống như trên một bàn cờ. Sự lồi cuồn và Sự Thật xoáy chung quanh cô. Cô trông như bị trói buộc ở đầu gúc mắc. Cô không còn là một cô gái bình thường mà tôi đang định tâm quyến dụ; trong cô có đặt đề chương cuối của cuốn tiểu thuyết; và vì thế, từ lúc ấy, Rosalie trở nên đối tượng chủ yếu cho sự chú ý của tôi.

Như thông thường những kẻ từng là thế với các người đàn bà đã giữ vị trí quan yếu trong ý nghĩ mình, khi quan sát cô, tôi khám phá thấy rất nhiều phẩm chất tốt. Cô trông sạch sẽ, trong sáng và đẹp; thêm nữa là những điểm duyên dáng mà một phụ nữ ở bất cứ giới hạng nào cũng đều ước muốn.

Hai tuần lễ sau cuộc viếng thăm của viên công chứng, một buổi chiều, hay buổi sáng đúng hơn (bởi lúc đó trời còn sớm), tôi nói với Rosalie:

“Bây giờ hãy cho tôi biết tất cả những gì về Madame de Merret!”

“Ồ!” cô đáp trong cái vẻ rất sợ hãi, “xin đừng hỏi tôi điều đó, thưa ông Horace!”

Khuôn mặt xinh đẹp bỗng dung xạm lại, màu da sáng hóa thành xanh nhợt, đôi mắt hết cả nét linh động vô tội.

Hồi lâu cô nói:

“Nào, tôi sẽ kể cho ông nghe, nhưng xin ông phải hứa giữ bí mật những điều ấy.”

“Tôi hứa, cô bé đáng thương ạ. Tôi sẽ giữ điều bí mật bằng sự thành thật của một tên trộm, và đó là sự thành thật đúng đắn nhất.”

“Nếu thế thì, dĩ nhiên, tôi sẽ kể hết với ông.”

Rồi cô vuốt vuốt cái khăn quàng, chuẩn bị tư thế; bởi vì, để kể một câu chuyện, người ta cần phải có một thái độ tự tin và dễ chịu. Những câu chuyện hay nhất luôn luôn được kể ra vào những lúc đứng nhất- ví dụ như khi tất cả mọi người đều ngồi vào bàn ăn chứ không phải trong khi đang đứng, hoặc vội vã vì đói bụng.

\*

\*\*

Nếu tôi trình bày chính xác từng chữ của Rosalie, một cuốn sách dày mới gọi là đủ. Những dữ kiện mà cô cung cấp đã hoàn toàn đúng ở hai câu chuyện của viên công chứng và bà Lepas, nhưng phần kể của cô lại nằm ở khoảng giữa.

Vì thế, tôi chỉ tóm tắt lại phần giữa thế này:

*Phòng ngủ của Madame de Merret tại La Grande Brétèche là ở tầng trệt. Một cái tủ ngăn xây lõm vào tường, sâu chừng hơn một thước, dùng làm chỗ móc quần áo. Từ ba tháng trở về trước, Madame de Merret đau yếu đến nỗi Bá tước để bà lại một mình ở tầng trệt, và chiếm cứ căn phòng trên lầu cho riêng ông.*

*Buổi tối đáng nói ấy, tình cờ từ hội quán –nơi ông thường đến đó đọc báo và trò chuyện về chính trị với những người trong tỉnh, ông về nhà muộn hơn hai tiếng đồng hồ theo lệ thường. Bà Bá tước ngỡ ông đã về và vào giường rồi. Nhưng tối ấy, do đề tài thảo luận sôi nổi về sự xâm lược của nước Pháp, trò chơi bi da ở hội quán trở thành sống động, ông đã thua mất 40 quan.*

*Đó là một con số lớn ở Vendôme, nơi mà mọi người ai cũng tần tiện và những thói quen xã hội bị kềm chế lại trong sự đơn giản rất đáng được ca ngợi. Nhưng đó có lẽ cũng là nguồn cội của hạnh phúc thật sự, (điều mà chẳng một người dân Paris nào màng quan tâm.)*

*Thường đêm, mỗi lúc trở về, Monsieur de Merret chỉ hỏi Rosalie xem vợ ông đã ngủ chưa; khi cô gái xác nhận đúng, thì ông đi thẳng lên phòng mình với thói quen và tính tự tin bẩm sinh. Tối hôm đó, ông định sẽ tìm Madame de Merret để nói cho nàng nghe về sự thua bạc của mình, cũng có lẽ để tìm vài lời an ủi. Trong bữa cơm tối, ông nhận biết Madame de Merret ăn vận rất duyên dáng; nên trên đường từ hội quán trở về, ông tin rằng vợ ông đã khá hơn, do đó sự hồi sức làm tăng vẻ đẹp của nàng.*

*Như tất cả mọi ông chồng, sự khám phá của Bá tước về sắc đẹp người vợ rõ ràng là trẻ muộn hơn tất cả mọi khám phá khác. Thay vì gọi Rosalie lúc ấy đang bận nhìn anh bép chơi bài brisque cùng gã đánh xe ở nhà dưới, Monsieur de Merret đi thẳng lên phòng vợ, tự soi đường cho mình bằng cây đèn dầu mà ông đã cầm lấy từ bậc thang thấp nhất của cái cầu thang.*

*Những bước chân ông rất dễ nhận biết, vang lên bên dưới cái vòm tòa lâu đài.*

*Khi đặt chìa khóa vào cánh cửa phòng vợ, ông ngỡ như nghe có tiếng đóng sập của cánh cửa phòng thay áo; nhưng lúc bước vào thì ông thấy chỉ một mình Madame de Merret đứng trước lò sưởi.*



Bá tước nghĩ rằng cô hầu Rosalie đang trong phòng thay áo; nhưng, một nỗi nghi ngờ bỗng dội dội bên tai như một hồi chuông làm ông chú ý. Ông nhìn vợ và ngỡ như thấy trong đôi mắt nàng có một điều bí mật nào, hoặc một vẻ lo lắng rất kỳ lạ.

-Ngài về trễ quá, nàng nói.

Giọng của nàng, thường rất trong và êm ả, bây giờ nghe như khàn đục.

Monsieur de Merret không trả lời bởi ngay lúc đó Rosalie đã bước vào phòng.

Ông cảm thấy như bị tổn thương dữ dội nên cứ vòng hai tay bước tới bước lui quanh phòng, rồi từ cửa sổ này qua cửa sổ khác, những bước chân đều đặn.

-Ngài không gặp may, hay là ngài không được khỏe?, người vợ hỏi cách thẹn thò trong khi Rosalie thay áo quần cho nàng.

Ông vẫn im lặng.

Madame de Merret bảo người hầu gái:

-Em đi nghỉ đi. Ta sẽ tự mình cuốn tóc được.

“Một cái gì đó trên mặt người chồng khiến nàng sợ hãi nên cầu mong được ở một mình với ông.

Khi Rosalie đã rời phòng, hoặc chừng như đã rời, bởi cô nán ná ít phút bên ngoài hành lang, Monsieur de Merret đến đứng trước mặt vợ và lạnh lùng nói:

-Thưa bà, có kẻ nào đó đang ở trong phòng thay áo!

Nàng lặng lẽ nhìn chồng, đơn giản đáp:

-Thưa ngài, không có.

Lời chối nhận này làm bóp thắt trái tim Monsieur de Merret; ông không tin; nhưng chưa bao giờ trước mặt ông mà người vợ ông lại có cái vẻ trong sạch và thần thánh đến độ đó.

Ông nhòm tới, giơ tay định mở cửa phòng thay áo; Madame de Merret níu tay ông lại, nhìn ông bằng cái nhìn buồn rầu và nói bằng một giọng run run rất lạ:

-Nếu ngài không tìm thấy ai ở đó, xin hãy nhớ rằng tất cả giữa chúng ta sẽ chấm dứt từ đây.

Cái vẻ trang nghiêm khác thường trên thái độ người vợ đã làm sống dậy trong ông sự kính trọng sâu xa của một nhà quý tộc dành cho nàng. Ông nói:

-Không, Josephine, ta sẽ không mở cánh cửa. Nhưng dù bất cứ tình huống nào, chúng ta cũng phải vĩnh viễn chia tay. Giờ hãy nghe này, ta biết tâm hồn em thanh khiết cũng như cuộc sống của em rất tốt; em sẽ không làm điều gì tội lỗi, ngay cả để tự cứu cho cuộc đời mình.

Với những lời này, Madame de Merret liếc nhanh khuôn mặt chồng bằng đôi mắt phờ phạc.

Bá tước nói:

-Nào, hãy cầm thánh giá của em lên, thề trước Chúa rằng không có ai trong ấy, ta sẽ tin và không bao giờ mở cửa phòng đó ra nữa.

Madame de Merret cầm lấy thánh giá và nói:

-Em xin thề như thế.

-To lên, và lặp lại câu này: “Trước Chúa, tôi xin thề không có ai ở trong phòng thay áo.”

Madame de Merret thản nhiên lặp lại câu nói.

Monsieur de Merret lạnh lùng:

-Tốt lắm!

Sau một lúc im lặng, trong khi vừa ngắm nhìn cây thánh giá có bịt bạc với những dấu chạm trổ rất nghệ thuật, Bà tước vừa nói:

-Cái vật đẹp này, trước kia ta chưa từng thấy.

Bà Bá tước đáp:

-Em tìm nó ở nhà ông Duvivier; ông ta đã mua được từ một vị tu sĩ Tây Ban Nha khi đoàn tù binh đi qua Vendôme năm ngoái.

Monsieur de Merret rung chuông.

Lập tức, Rosalie xuất hiện.

Bá tước vội vã bước đến, ra hiệu cho cô tới bên cửa sổ nhìn bao quát ra khu vườn. Ông nhỏ giọng:

-Ta biết Gorenflot muốn lấy mi làm vợ, nhưng chỉ vì nghèo khó mà mọi sự không thành. Ta cũng biết mi đã nói với hắn là mi chỉ làm vợ hắn khi nào hắn trở nên một anh thợ nề thành thạo... Nào, đi kiếm hắn cho ta; bảo hắn mang theo cái bay trát hồ và những dụng cụ. Phải cẩn thận không được đánh thức bất cứ ai, ngoại trừ hắn; tài sản của hắn sẽ vượt trội hoài bão của mi. Trên hết, không được nói câu nào khác với hắn.

Bá tước cau mày. Rosalie bước đi. Ông gọi cô lại:

-Đây này, hãy cầm lấy cái chìa khóa của ta.

Rồi ông kêu lớn:

-Jean! (tiếng vang y hệt tiếng sấm dội cả hành lang.)

Jean, người đánh xe và cũng là tên hầu cận Bá tước, rời bàn bài brisque, đến gặp ông.

Vị chủ nhân nói:

-Bảo chúng nó đi ngủ hết đi!

Rồi vẫy tay gọi Jean đến gần, Bá tước thì thầm:

-Khi tất cả bọn chúng đã ngủ, hãy lưu ý, đã ngủ, mi hiểu không, thì đến nói cho ta hay.

Monsieur de Merret không rời mắt khỏi vợ trong khi ra những lệnh truyền với đám người hầu. Ông lặng lẽ bước đến cạnh nàng bên lò sưởi, và bắt đầu kể cho nàng nghe những chuyện xảy ra tại hội quán.

Khi Rosalie trở lại, cô thấy ông và Madame de Merret đang chuyện trò thân mật như hai người bạn.

Không lâu trước khi xảy ra chuyện này, vị Bá tước đã cho lột mới lớp trần căn phòng tiếp tân ở tầng trệt. Lúc bấy giờ ở Vendôme, chất thạch cao rất khan hiếm và giá cả tăng vọt bằng giá một chiếc xe ngựa; cho nên nhà quý tộc đã để dành được một số lượng thạch cao đáng kể bởi ông biết rằng luôn luôn có thể bán đi số còn dư lại. Tình thế này làm cho ông nghĩ đến cái dự tính đang muốn thực hiện.

-Thưa ngài, Gorenflot đã đến, Rosalie báo với Bá tước.

Khuôn mặt Madame de Merret bỗng nhợt nhạt khi nhìn thấy người thợ nề.

-Gorenflot, Bá tước bảo, đi đến nhà xe mang về cho ta đủ số gạch để lấp kín cánh cửa căn phòng thay áo này; mi có thể dùng một lớp vữa trát lên bên ngoài lớp xi măng.

Rồi ngoắc Rosalie và người thợ nề đến gần, nhà quý tộc thấp giọng:

-Nghe này, Gorenflot, mi phải ngủ lại đây đêm nay. Nhưng sáng mai thì mi sẽ có một thông hành đi ngoại quốc và phải đến một tỉnh do ta chỉ định. Ta sẽ cho mi sáu ngàn quan dành cho chuyến đi này. Mi phải ở đó trong mười năm; nếu không thích như thế, mi có thể đến bất cứ nơi nào cũng bằng thời gian ấy. Hãy qua ngã Paris và chờ ta ở đó. Tại Paris, ta sẽ đưa cho mi một bản ký kết thêm 6 ngàn quan nữa, trả công mi trong lần trở về, miễn là mi hoàn thành những điều kiện trong giao kèo giữa chúng ta. Đổi lại số tiền này, mi phải tuyệt đối im lặng theo những gì đêm nay đã biết.

Ông quay sang Rosalie:

-Về phần mi, ta sẽ cho mười ngàn quan trong ngày cưới với điều kiện mi phải làm vợ Gorenflot; và cả hai đứa phải giữ mồm giữ miệng nếu bọn mi muốn làm đám cưới. Không thì chẳng chút quà nào!

Madame de Merret gọi:

-Rosalie, đến chải tóc cho ta!

Ông Bá tước đi đi lại lại khắp phòng, dán chặt mắt lên cánh cửa, vào người thợ nề, và vào người vợ, nhưng không bày tỏ chút gì si nhục về sự nghi ngờ của mình.

Gorenflot không thể tránh làm tiếng động.

Madame de Merret lợi dụng giây lát khi gã thợ nề đang lắp vài viên gạch vào tường và nhà quý tộc đang đứng cuối phòng, nói nhỏ với Rosalie:

-Em yêu, ta sẽ cho em một ngàn quan một năm nếu em có thể bảo Gorenflot lưu lại một chỗ nề ở cuối chân tường.

Rồi nàng điềm tĩnh nói lớn: \

-Hãy đến giúp anh ta!

Monsieur và Madame de Merret đều yên lặng suốt thời gian Gorenflot lắp kín cánh cửa. Sự yên lặng này có chủ đích về phía người chồng, bởi ông ta không muốn cho vợ một cơ hội để nói lời nào có thể hàm chứa hai ý nghĩa; và về phía Madame de Merret thì nỗi yên lặng đó nảy sinh từ tính thận trọng hoặc lòng kiêu hãnh.

Khi bức tường xây được lên tới một nửa, gã thợ nề gian xảo lợi dụng lúc ông chủ quay lưng lại ở cuối phòng, nên mạnh cái cuốc vào một hay hai ô kính vuông trên chóp cửa. Hành động này chứng tỏ cho bà Bá tước biết rằng Rosalie đã nói điềm nàng muốn với Gorenflot. Thế rồi cả ba người đều nhìn thấy một khuôn mặt đàn ông da màu nâu đồng, tóc đen và đôi mắt sáng rực.

Trước khi người chồng trở lại, người đàn bà đáng thương còn kịp thì giờ để gật đầu với kẻ lạ, như ý muốn nói: “Đừng tuyệt vọng!”

Vào lúc bốn giờ khuya khi ngày bắt đầu rạng, lúc ấy là tháng Chín, bức tường được xây xong.  
Gã thợ nề ở lại đó trong sự canh giữ của gã đánh xe tên Jean, và ông Bá tước thì ngủ trong phòng vợ.

Sáng hôm sau, thức giậy, ông thân nhiên nói với vợ:

-Ồ, hôm nay ta phải đi tới tòa thị sảnh để hỏi về cái thông hành của mình.”

Ông đội nón, bước ba bước về phía cửa rồi ngừng lại như thể vừa nghĩ ra điều gì trong óc, đoạn cầm lên cây thánh giá. Trái tim người vợ chùng như muốn vỡ tung vì mừng rỡ. “Ông ta sẽ đi tới nhà Duvivier,” nàng nghĩ.

Nhà quý tộc vừa rời đi, Madame de Merret đã rung chuông gọi Rosalie; rồi kêu to bằng một giọng thật đau khổ:

-Mau lên! Mau lên! Đem cho ta cái cuốc. Ngày hôm qua ta đã thấy cái cách xây tường của Gorenflot; chúng ta còn kịp thì giờ để khoét một cái lỗ và lắp nó lại.

Trong nháy mắt Rosalie đã mang tới cho bà chủ một cái rìu nhỏ, và với một nghị lực không thể diễn tả, Madame de Merret bắt đầu phá đổ bức tường. Nàng đã cào ra được vài viên gạch, và đúng ngay cái lúc sửa soạn bữa một cú mạnh hơn về phía trước, nàng nhìn thấy ông chồng đang đứng phía sau. Tức thì nàng ngã ra bất tỉnh.

-Đặt bà chủ lên giường!, nhà quý tộc lạnh lùng nói.

Đoán biết trước được những gì sẽ xảy ra khi ông vắng mặt, ông đã gài bẫy vợ; nên chỉ viết một lá thư nhỏ cho ông thị trưởng, và cho đòi Duvivier đến gặp.

Nhà buôn kim hoàn đến ngay sau lúc căn phòng đã được xếp đặt thứ tự đâu vào đấy như cũ.

Bá tước hỏi:

-Duvivier, có phải anh đã mua được một cây thánh giá từ những người Tây Ban Nha đi qua tỉnh?

*-Không, thưa ngài.*

*-Tốt lắm, cảm ơn anh, ông Bá tước vừa nói với Duvivier vừa nhìn vào vợ một cách hung dữ.*

*-Jean, ông quay về phía gã hầu thân tín, từ nay dọn bữa ăn cho ta ngay trong phòng Madame de Merret; bà chủ không được khỏe, và ta sẽ không rời cho đến khi bà khá hơn.*

*Vị Bá tước độc ác không hề rời xa người vợ trong hai mươi ngày.*

*Ngay thoát đầu, khi có tiếng động phát ra từ bức tường bị lấp kín, và Josephine toan cầu xin ông tha thứ cho kẻ đang chết trong đó, ông đã trả lời mà không để cho vợ kịp nói một chữ nào khác:*

*-Em đã thề trên thánh giá rằng không có ai ở trong ấy mà!*

*Trần Thị Bông Giấy*  
*(Hoàn tất bản chuyển ngữ tại San Jose, Feb. 28/2004)*  
*(Đọc lại tại San Jose, mùa dịch Vũ Hán,*  
*đầu May 2020).*  
*[ ]*